



ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH  
MST : 030 141 68 76

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

( Được ban hành theo Thông tư 200/2015/TT-BTC )

Lưu : Phòng Tài Chính – Kế Hoạch Công Ty

Ngày 21 tháng 01 năm 2020

UBND Quận Tân Bình  
 Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCCB  
 NĂM 2019**

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư			Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động		Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2018 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/2018 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)				
			Tổng vốn	Vốn tự có	%		Vốn huy động	%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Lãi suất chuyển sang		Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2018		
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A	Các dự án nhóm A																		
	1																		
	2																		
B	Các dự án nhóm B																		
	1																		
	2																		
C	Các dự án khác																		

Không phát sinh

Ghi chú : Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI



NGUYỄN VĂN HOÀI

UBND Quận Tân Bình  
 Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP**

**NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn chủ sở hữu công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia cho kỳ báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số Ng/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết		
		Giá trị vốn góp		Tỷ lệ vốn góp		Kỳ trước	Kỳ báo cáo		Kỳ trước	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Kỳ báo cáo						
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2018	Kế hoạch												Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) = (15)/(5)	(17)	(18)	
I	Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Đầu tư vào Công ty liên kết																	
III	Đầu tư tái chính																	

Người lập biểu

*[Signature]*

**HỒ THỊ MAI CHI**



**NGUYỄN VĂN HOÀI**

**UBND Quận Tân Bình**  
**Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình**

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
**NĂM NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính : đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Thực hiện năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm 2019
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
<b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m <sup>2</sup> )	429.199.135	429.199.135	527.634.926	527.634.926	122,93	122,93	100,00
- Vận chuyển rác (Tấn)	145.034	148.622	151.000	151.638	104,55	102,03	100,42
- Xây dựng cơ bản (đồng)	57.460.792.403	60.996.460.198	46.771.801.325	47.746.262.387	83,09	78,28	102,08
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m <sup>2</sup> )	429.199.135	429.199.135	527.634.926	527.634.926	122,93	122,93	100,00
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	145.034	148.622	151.000	151.638	104,55	102,03	100,42
- Xây dựng cơ bản (đồng)	57.069.252.949	59.295.038.907	45.194.714.692	49.648.349.020	87,00	83,73	109,85
3. Tồn kho cuối kỳ							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m <sup>2</sup> )	-	-	-	-	-	-	-
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	-	-	-	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản (đồng)	200.665.342	1.902.086.633	325.000.000	-	-	-	-
<b>B. Chỉ tiêu tài chính</b>							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.712.800.408	178.054.796.233	167.842.465.000	185.810.007.160	106,35	104,36	110,71
2. Giá vốn hàng bán	153.931.595.341	155.339.837.159	147.416.502.000	157.234.252.630	102,15	101,22	106,66
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.781.205.067	22.714.959.074	20.425.963.000	28.575.754.530	137,51	125,80	139,90
4. Doanh thu hoạt động tài chính	2.968.078.395	2.061.132.022	2.180.995.000	2.738.389.286	92,26	132,86	125,56
5. Chi phí tài chính	34.401.299	20.432.923	-	-	-	-	-

Nội dung	Cùng kỳ năm 2017		Cùng kỳ năm 2018		Thực hiện năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)			
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]	Cùng kỳ năm 2017	Cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm 2019
6. Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.998.730.843	9.804.443.011	9.250.000.000	11.760.312.457	117,62	119,95	127,14			
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.716.151.320	14.951.215.162	13.356.958.000	19.553.831.359	142,56	130,78	146,39			
9. Thu nhập khác	186.164.034	41.161.485	100.000.000	395.659.662	212,53	961,24	395,66			
10. Chi phí khác	41.076.202	253.884.919	22.810.000	113.745.111	-	44,80	498,66			
11. Lợi nhuận khác	145.087.832	(212.723.434)	77.190.000	281.914.551	194,31	(132,53)	365,22			
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.861.239.152	14.738.491.728	13.434.148.000	19.835.745.910	143,10	134,58	147,65			
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.775.429.672	2.989.644.450	2.686.829.600	3.984.477.894	143,56	133,28	148,30			
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	11.085.809.480	11.748.847.278	10.747.318.400	15.851.268.016	142,99	134,92	147,49			

Người lập biểu



**HỒ THỊ MAI CHI**



**NGUYỄN VĂN HOÀI**

UBND Quận Tân Bình  
Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH  
NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
- Quét dọn vệ sinh (Lượt.m2)	527.634.926	527.634.926	100,00%	100,00%
- Vận chuyển rác (Tấn)	151.000	151.638	100,42%	105,30%
- Công viên cây xanh (m2)	106.785	107.257	100,44%	100,44%
- Công trình xây dựng cơ bản (triệu đồng)	47.680	53.118	111,41%	89,48%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?				
- Quét dọn vệ sinh (Lượt.m2)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Công viên cây xanh (m2)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Công trình xây dựng cơ bản (triệu đồng)	Không có	Không có	Không có	Không có
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?				
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong kỳ (triệu đồng)	137.165	167.437	122,07%	103,36%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong kỳ (triệu đồng)	147.446	184.236	124,95%	105,34%

Người lập biểu



**HỒ THỊ MAI CHI**



**NGUYỄN VĂN HOÀI**

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
 NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
<b>1. Thuế</b>	<b>6.560.543.946</b>	<b>20.519.691.408</b>	<b>21.838.065.934</b>	<b>5.242.169.420</b>
- thuế GTGT	3.471.158.870	12.939.089.716	15.313.037.374	1.097.211.212
- Thuế TNDN	2.742.627.219	4.318.896.993	3.073.526.509	3.987.997.703
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế TNCN	346.757.857	584.693.123	774.490.475	156.960.505
- Thuê đất, thuế đất	-	2.673.011.576	2.673.011.576	-
- Các khoản thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>2. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>2.579.579.519</b>	<b>4.852.142.097</b>	<b>4.606.001.408</b>	<b>2.825.720.208</b>
- Phải nộp liên quan đến quản lý nhà	439.422.810	1.718.182.566	1.644.055.501	513.549.875
- Phí, lệ phí	704.343.893	1.791.898.440	184.072.000	2.312.170.333
- Các khoản phải nộp khác	1.435.812.816	1.342.061.091	2.777.873.907	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	-	-	-	-

**Ghi chú:** (\*) Thuế TNDN của năm trước : 334.419.099 đồng. Thuế TNDN của năm nay : 3.984.477.894 đồng  
 => Cộng phát sinh thuế TNDN là : 4.318.896.993 đồng.

**B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ  
 NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	260.297.077			260.297.077
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.864.480.051	12.543.482.919	7.398.771.400	14.009.191.570
3. Quỹ khen thưởng VCQLDN	289.287.500	284.500.000	42.274.962	531.512.538
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác nếu có	-	-	-	-

**Thuyết minh :** Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng VCQL tăng trong kỳ là do trích lập và giảm là do chi hoạt động trong kỳ.

Người lập biểu

**HỒ THỊ MAI CHI**



**NGUYỄN VĂN HOÀI**

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN TÂN BÌNH

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NƯỚC NGOÀI VÀ THU HỒI VỐN ĐẦU TƯ VỀ VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

**Kỳ báo cáo: Năm 2019**

Đơn vị: nghìn USD

TT	Tên doanh nghiệp/dự án	Lĩnh vực đầu tư	Nước tiếp nhận đầu tư	Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài		Tỷ lệ sở hữu của NĐT Việt Nam	Vốn ĐTRNN đăng ký				Vốn ĐTRNN thực hiện				Tình hình thu hồi vốn đầu tư					Độ trễ của Dự án						
				Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ		Tổng vốn đăng ký	Vốn góp	Cho vay	Bảo lãnh vay	Lũy kế đến kỳ trước	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Cho vay	Bảo lãnh vay	Lũy kế đến kỳ trước	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ báo cáo									
																	Thu hồi vốn đầu tư	Lãi cho vay chuyển về nước	Thu từ thanh lý, nhượng bán vốn ĐTRNN							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	
1	Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận Tân Bình	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI

Tân Bình, ngày 21 tháng 01 năm 2020

Giám đốc



NGUYỄN VĂN HOÀI



## CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN TÂN BÌNH

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

**Kỳ báo cáo: Năm 2019**

TT	Tên doanh nghiệp/dự án	Tổng tài sản	Tổng nguồn vốn							Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh				Lợi nhuận và sử dụng lợi nhuận được chia				Thực hiện nghĩa vụ với NSNN trong kỳ báo cáo						
			Nợ phải trả			Vốn chủ sở hữu		Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ suất lợi nhuận	Lợi nhuận được chia của	Tinh hình sử dụng lợi nhuận được chia			Sử dụng khác									
			Tổng nợ phải trả	Trong đó: vay từ		Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của CSH					Kỳ trước	Kỳ báo cáo	Kỳ trước		Kỳ báo cáo	Tái đầu tư		Chuyển về nước					
				Lãi vay phải trả trong kỳ báo cáo	Lãi suất TB các khoản vay			Lợi nhuận / lỗ lũy kế																
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	
1.	Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận Tân Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI

Tân Bình, ngày 21 tháng 01 năm 2020



NGUYỄN VĂN HOÀI

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ HIỆU QUẢ  
HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019**  
(Số liệu chi tiết thể hiện trên 5 biểu mẫu quy định tại Thông tư 200/2015/TT-BTC)

**1) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn :**

Vốn nhà nước tại doanh nghiệp được bảo toàn so với đầu năm, hệ số bảo toàn của vốn chủ sở hữu  $(70.370 / 70.370) = 1$  , tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 22,53%  $(15.851 / 70.370)$ , tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 5,52%  $(15.851 / 287.002)$ .

**2) Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp :**

\* Tình hình đầu tư tài sản và huy động vốn :

- Công ty không sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án cũng như không huy động vốn từ các nguồn khác để đầu tư dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh.

\* Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp :

- Tại thời điểm 31/12/2019 Công ty không có vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

\* Tình hình quản lý tài sản và công nợ phải thu, phải trả :

- Công ty mua sắm tài sản hoặc thanh lý tài sản có giá trị lớn đều thực hiện tổ chức đấu thầu, đấu giá theo quy định, việc khấu hao tài sản cố định cũng được thực hiện nghiêm túc theo quy định hiện hành.

- Công ty không có nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn.

**3) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp :**

- Nhìn chung sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu trong năm của đơn vị tăng so với cùng kỳ năm trước và đạt 103,43 % so với kế hoạch. Chất lượng sản phẩm dịch vụ đảm bảo chỉ tiêu theo quy định.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước và đạt 102,59% so với kế hoạch.

- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đủ đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của chủ sở hữu, chấp hành khá tốt các chế độ , chính sách của nhà nước, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, trả lương trả thưởng cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và theo quy định.

#### 4) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật

Trong năm 2019, doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của chủ sở hữu, chấp hành khá tốt các chế độ, chính sách theo quy định của nhà nước :

- Đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ
- Thực hiện nghiêm túc chính sách tiền lương, xây dựng bảng lương theo thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH
- Xây dựng quỹ lương và trả lương cho người lao động, viên chức quản lý theo quy định tại Nghị Định 51/2016/NĐ-CP , 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH, 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.
- Thực hiện đầy đủ theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

Lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI



NGUYỄN VĂN HOÀI

Số: 07/DVCI.BC

Tân Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2020

## BÁO CÁO

**Tình hình chấp hành pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó có việc ký hợp đồng thuê đất theo quy định, tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực xây dựng của đơn vị.**  
**Năm 2019.**

### **I. Tình hình chấp hành pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, việc ký hợp đồng thuê đất theo quy định:**

*\* Tình hình chấp hành pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng đất đai:*

Với chức năng quản lý và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, hiện nay Công ty đang quản lý 220 căn, có 567. hộ thuộc sở hữu nhà nước do UBND quận Tân Bình giao quản lý và ký hợp đồng thuê nhà, với tổng diện tích sử dụng là 21.780m<sup>2</sup>, quản lý 33 căn (34 hộ) nhà xưởng và 03 căn nhà xưởng chốt giữ hộ cho UBND quận. Hàng năm Công ty thu và nộp thuế đất phi nông nghiệp đầy đủ và đúng kỳ hạn nộp thuế với Chi Cục Thuế Tân Bình.

Trong năm 2019, Công ty tập trung cho công tác rà soát hồ sơ phục vụ công tác bán nhà thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ kịp thời hạn theo quy định với mục tiêu không để xảy ra sai sót về pháp lý. Tập trung cho công tác rà soát hồ sơ pháp lý từng căn hộ đang thuê để áp giá thuê nhà mới theo Quyết định 22/2018/QĐ-UBND của UBNDTP. Doanh thu từ hoạt động cho thuê nhà trong năm 2019 đạt 6.362.952.000 đồng, đạt 122.8% kế hoạch năm (5.180.000 đồng tỷ). Công ty đã ký gia hạn 264 hợp đồng thuê nhà, thanh lý 16 hợp đồng thuê nhà, kiểm tra, xác minh hiện trạng sử dụng nhà thường xuyên 287 hộ (bao gồm các nội dung: kiểm tra xác nhận không lấn chiếm, sửa chữa, kiểm tra khảo sát theo yêu cầu của các ngành).

Ngoài ra, trong năm 2019 Công ty đã tiếp nhận 06 hồ sơ đề nghị mua nhà Nhà nước theo Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ (đến nay đã tiếp nhận 243 hồ sơ). Nộp 12 hồ sơ cho Sở Xây dựng xem xét trình Hội đồng bán nhà ở thành phố (đến nay đã nộp 211/243 hồ sơ). Hiện có 175 hồ sơ đã được UBND thành phố duyệt giá bán, đã thanh lý HĐTN 161/175 hồ sơ.

*\* Quản lý bảo vệ môi trường:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích quận Tân Bình, là đơn vị hoạt động công ích với nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ xã hội, trong đó trọng tâm là công tác giữ gìn vệ sinh môi trường. Với chức năng thu gom và vận chuyển rác trên toàn địa bàn. Trong năm 2019 Công tác vận chuyển, đạt 151.639 tấn bằng 100,4% so với kế hoạch năm 2019 (151.000 tấn), bằng 102,04% so với cùng kỳ năm 2018 (148.622 tấn), bình quân 415,4 tấn/ngày. 100% các phương tiện cơ giới

